

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: ~~2019~~ /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 5 năm 2019

Số công văn: 2079/QĐ-UBND
Ký bởi: Ủy ban nhân dân
thành phố Đà Nẵng
Email:
vanthubnd@danang.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Đà Nẵng
Ngày ký: 11.05.2019 09:22:43
+07:00

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh Chiến lược phát triển thể thao thành tích cao
thành phố Đà Nẵng đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 2198/QĐ-TTg ngày 03/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển Thể dục thể thao Việt Nam đến năm 2020 và Quyết định số 2054/QĐ-TTg ngày 13/11/2014 về Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 9597/QĐ-UBND ngày 04/12/2015 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Kế hoạch phát triển ngành Thể dục thể thao thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2298/QĐ-UBND ngày 07/6/2018 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác phát triển thể thao giải trí trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2018 - 2020;

Theo Thông báo số 22/TB-VP ngày 24/4/2019 của Văn phòng UBND thành phố về nội dung giao ban ngày 09/4/2019 của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND thành phố;

Xét đề nghị của Sở Văn hóa và Thể thao tại Công văn số 1345/SVHTT-NVTDTT ngày 04 tháng 5 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Chiến lược phát triển thể thao thành tích cao thành phố Đà Nẵng đến năm 2020 ban hành tại Quyết định số 6644/QĐ-UBND ngày 04/8/2011, với các nội dung chính như sau:

1. Điều chỉnh đầu tư và phân nhóm môn, chỉ tiêu vận động viên, huấn luyện viên giai đoạn 2019 - 2020

Căn cứ tình hình thực tế và xu hướng phát triển của thể thao Việt Nam hiện nay, điều chỉnh đầu tư và phân nhóm môn, chỉ tiêu vận động viên, huấn luyện viên như sau:

a) Điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu tuyển sinh và đào tạo các tuyển bóng đá trẻ của Bóng đá Đà Nẵng cho Sở Văn hóa và Thể thao, nhằm thúc đẩy phong trào bóng đá trên địa bàn thành phố và xây dựng lực lượng vận động viên bóng đá trẻ có chất lượng cao, làm lực lượng kế thừa, bổ sung và thay thế cho đội tuyển chuyên nghiệp của thành phố Đà Nẵng những năm đến (phụ lục 1).

b) Cắt giảm chỉ tiêu đào tạo các môn chưa phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của thành phố, để bổ sung lực lượng vận động viên, huấn luyện viên cho các môn trọng điểm, có thể mạnh, các môn thể thao biển (phụ lục 2, phụ lục 3).

c) Điều chỉnh phân loại các nhóm môn để có kế hoạch đầu tư tập trung như sau:

- Nhóm 1: Nhóm các môn cơ bản trong chương trình Olympic, ASIAD, SEA Games và Đại hội thể thao toàn quốc, được ưu tiên đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước phân bổ phù hợp, để giành huy chương tại các giải quốc tế và các kỳ Đại hội thể thao toàn quốc: Điền kinh, Bơi, Canoeing và Kayak, Rowing, Cử tạ, Taekwondo, Judo, Bóng đá.

- Nhóm 2: Nhóm các môn có trong chương trình Olympic, ASIAD, có khả năng đạt thành tích tại SEA Games, các giải Đông Nam Á và các kỳ Đại hội thể thao toàn quốc, được đầu tư phù hợp để tranh chấp Huy chương vàng tại các kỳ Đại hội thể thao toàn quốc: Boxing, Karate, Cầu lông, Đấu kiếm, Võ cổ truyền, Pencak Silat, Lặn, Billiards.

- Nhóm 3: Nhóm các môn có trong chương trình Olympic, ASIAD, SEA Games, Đại hội Thể thao toàn quốc nhưng khả năng đạt thành tích không cao, được duy trì phát triển, từng bước xã hội hóa khi có điều kiện thuận lợi và các môn thể thao biển: Thể dục thể hình, Cờ vua, Cờ vây, Cờ tướng, Wushu, Bóng chuyền (trong nhà và bãi biển), Bóng ném (trong nhà và bãi biển), Bóng bàn, Bóng đá bãi biển, Bowling, Sailing, Đá cầu (trong nhà và bãi biển), Cầu mây bãi biển, Bóng rổ 3x3.

2. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2019 - 2020 (phụ lục 4)

- Các giải quốc gia: đạt từ 150 - 155 HCV.

- Các giải quốc tế: đạt từ 14 HCV trong hệ thống thi đấu chính thức.

- Thành tích các tuyển bóng đá trẻ: Lọt vào vòng chung kết và phân đấu có huy chương tại các giải lứa tuổi hàng năm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Văn hóa và Thể thao

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nội dung được điều chỉnh tại Điều 1 đảm bảo hiệu quả. Năm 2020, tổ chức tổng kết, đánh giá việc thực hiện và tham mưu, đề xuất Chiến lược phát triển thể thao thành tích cao thành phố Đà Nẵng giai đoạn tiếp theo, báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định.

- Chịu trách nhiệm liên hệ và hợp đồng với đơn vị có chuyên môn trong việc đào tạo các tuyển bóng đá trẻ, theo chỉ tiêu huấn luyện viên, vận động viên đã được phê duyệt tại Điều 1.

2. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư: Căn cứ các nội dung điều chỉnh được phê duyệt tại Điều 1 và kế hoạch kinh phí do Sở Văn hóa và Thể thao xây dựng, có trách nhiệm thẩm định và đề xuất bố trí kinh phí thực hiện vào dự toán chi ngân sách hàng năm, trình UBND thành phố phê duyệt.

Điều 3. Các nội dung được phê duyệt theo Chiến lược phát triển thể thao thành tích cao thành phố Đà Nẵng đến năm 2020 ban hành tại Quyết định số 6644/QĐ-UBND ngày 04/8/2011 không trái với nội dung Quyết định này, được giữ nguyên không thay đổi.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc các Sở: Văn hóa và Thể thao, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Lê Trung Chính*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- TTTU, TTHĐND TP (để b/c);
- CT, các PCT UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể;
- UBND các quận, huyện;
- Cổng Thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT, KGVX, SVHTT.

70

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Lê Trung Chính

Phụ lục 1
SỐ LƯỢNG VẬN ĐỘNG VIÊN BÓNG ĐÁ GIAI ĐOẠN 2019 - 2020
(Kèm theo Quyết định số: 2019 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2019
của UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	Các tuyển đào tạo	Năm			
		2019		2020	
		VĐV	HLV	VĐV	HLV
1	Đội hình U11	45	3	45	3
2	Đội hình U13	45	3	45	3
3	Đội hình U15	45	3	45	3
4	Đội hình U17	30	3	30	3
5	Đội hình U19 và U21	50	6	50	6
6	Tổng cộng	215	18	215	18

Ghi chú:

- Số lượng VĐV của các tuyển không đồng đều và thường xuyên thay đổi, do các VĐV khi đủ tuổi thì được đôn lên tuyển trên. Mặt khác, trong quá trình đào tạo cứ 6 tháng một lần sẽ tổ chức kiểm tra để xét chọn VĐV, nếu VĐV nào đáp ứng đầy đủ các thông số tuyển chọn của Hội đồng HLV thì sẽ tiếp tục được đào tạo đưa lên tuyển trên theo từng năm. VĐV nào không đáp ứng được thì sẽ cho thôi đào tạo và chuyển trả về gia đình để các VĐV tiếp tục có điều kiện học tập và tìm kiếm nghề nghiệp sau này.

- Bên cạnh số lượng VĐV, HLV các tuyển bóng đá trẻ được tập trung đào tạo, còn có đội chuyên nghiệp SHB Đà Nẵng được đào tạo bằng nguồn kinh phí xã hội hóa do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội tài trợ, với số lượng từ 30 - 35 VĐV.

Phụ lục 2
SỐ LƯỢNG CÁC MÔN THỂ THAO VÀ
CHỈ TIÊU VẬN ĐỘNG VIÊN GIAI ĐOẠN 2019 - 2020

(Kèm theo Quyết định số: 489/QĐ-UBND ngày 10 tháng 05 năm 2019
của UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	Môn	Phân môn	Năm	
			2019	2020
1	Điền kinh		70	70
2	Bơi		60	65
3	Đua thuyền hiện đại (Canoeing & Kayak, Rowing, Sailing)	Canoeing & Kayak	65	70
		Rowing	55	55
		Sailing	8	8
4	Cử tạ		35	35
5	Judo		30	30
6	Taekwondo		38	38
7	Boxing		27	27
8	Karate		25	25
9	Cầu lông		20	20
10	Bóng bàn		20	20
11	Bóng chuyền	Trong nhà	16	16
		Bãi biển	8	8
12	Bóng ném		14	14
13	Đấu kiếm		5	5
14	Lặn		35	35
15	Cờ vua - Cờ vây	Cờ vua	20	20
		Cờ vây	5	5
16	Billiards		20	20
17	Võ cổ truyền		20	20
18	Pencak Silat		20	20
19	Wushu		16	16
20	Thể dục thể hình		14	14
21	Cờ tướng		10	10
22	Đá cầu		10	10
23	Bóng đá bãi biển		12	13
24	Bowling		6	6
25	Cầu mây bãi biển		0	6
26	Bóng rổ 3x3		0	8
27	VĐV các môn hợp đồng theo chủ trương UBND TP		1	1

28	Chuyển sang bán chuyên nghiệp		40	40
29	Khiêu vũ thể thao		Không tổ chức huấn luyện đào tạo	
30	Quần vợt			
31	Bắn súng			
32	Bắn cung			
33	Vật			
34	Vovinam			
35	Đua thuyền truyền thống			
36	Kickboxing			
37	Muay Thái			
Tổng cộng			725	750

Ghi chú:

- Số lượng VĐV các tuyển trẻ môn bóng đá được trình bày tại phụ lục 1.
- Tùy tình hình thực tế phát triển môn, sẽ điều chỉnh số lượng VĐV các môn cho phù hợp.

Phụ lục 3

SỐ LƯỢNG HUẤN LUYỆN VIÊN GIAI ĐOẠN 2019 – 2020

(Kèm theo Quyết định số: 2079/QĐ-UBND ngày 10 tháng 05 năm 2019
của UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	Môn	Phân môn	Năm	
			2019	2020
1	Điền kinh		13	14
2	Bơi		10	11
3	Đua thuyền hiện đại (Canoeing và Kayak, Rowing, Sailing)	Canoeing & Kayak	12	16
		Rowing		
		Sailing		
4	Cử tạ		4	5
5	Judo		4	5
6	Taekwondo		4	5
7	Boxing		4	4
8	Karate		4	4
9	Cầu lông		4	4
10	Bóng bàn		4	4
11	Bóng chuyền	Trong nhà	3	3
		Bãi biển	2	2
12	Bóng ném		2	2
13	Đấu kiếm		1	1
14	Lặn		6	6
15	Cờ vua - Cờ vây	Cờ vua	5	5
		Cờ vây		
16	Billiards		2	2
17	Võ cổ truyền		3	3
18	Pencak Silat		3	3
19	Wushu		2	2
20	Thể dục thể hình		2	2
21	Cờ tướng		2	2
22	Đá cầu		1	2
23	Bóng đá bãi biển		2	2
24	Bowling		1	1
25	Bóng rổ 3x3		0	1
26	Cầu mây bãi biển		0	1
27	Khiêu vũ thể thao		Không tổ chức huấn luyện đào tạo	
28	Quần vợt			
29	Bắn súng			
30	Bắn cung			
31	Vật			

32	Vovinam		
33	Đua thuyền truyền thống		
34	Kickboxing		
35	Muay Thái		
Tổng cộng			100 112

Ghi chú:

- Số lượng HLV các tuyến trẻ môn bóng đá được trình bày tại phụ lục 1.
- Tùy tình hình thực tế phát triển môn, sẽ điều chỉnh số lượng HLV các môn cho phù hợp.

Phụ lục 4
THÀNH TÍCH THI ĐẤU THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO GIAI ĐOẠN 2019 - 2020
 (Kèm theo Quyết định số: 2079 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 05 năm 2019 của UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	Năm	Hệ thống giải quốc gia					Các giải khu vực - Châu lục - Thế giới (Trong hệ thống thi đấu chính thức)			Số lượng VĐV tham gia	
		Vàng	Bạc	Đồng	Kiên tướng	Cấp 1	Vàng	Bạc	Đồng	Tuyển quốc gia	Tuyển trẻ quốc gia
1	2019	150	160	140	35	50	14	10	10	15	30
2	2020	155	165	135	35	50	14	10	10	15	30